

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 256/2025/DS - ST

Ngày: 25-04-2025

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh

2. Ông Đào Quốc Thắng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị An Thành - Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú tham gia phiên tòa:* Bà Trần Mai Hào - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 04 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 441/2024/TLST- DS ngày 24 tháng 05 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 277/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 03 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1973;

Địa chỉ thường trú: Dân phố 28, khu phố Hải T, thị trấn Rí C, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trương Lê Thảo N, sinh năm 1983; (có mặt)

Địa chỉ liên lạc: 200/19 đường Nguyễn Hữu Tiến, phường Tây T, quận Tân P, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền số công chứng 005061, quyền số 05/2024TP/CC-SCC/HĐGD ngày 10/5/2024)

Bị đơn: Bà Trần Thị Lan T, sinh năm 1972; (có mặt)

Địa chỉ: Số 225/57 đường Thoại Ngọc H, phường Phú T, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị M là ông Trương Vinh Q- Luật sư thuộc đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và nhân chứng:

Ông Nguyễn Hoài T, sinh năm 1978(có mặt)

Địa chỉ: 93/10 Trần Thánh T, Phường 15, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/05/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn - Bà Nguyễn Thị M trình bày:

Tôi và bà Trần Thị Lan T có quan hệ bạn bè thân thiết, qua lại với nhau đã hơn 10 năm. Vào đầu năm 2024, bà Lan T cần tiền kinh doanh nên có hỏi cho vay tiền của tôi, tôi đồng ý nên ngày 09/01/2024. tôi cho bà Lan T vay số tiền 550.000.0000 đồng (năm trăm năm mươi triệu), thời hạn vay 03 (ba) tháng, lãi suất thỏa thuận là 1,5%/tháng (một phẩy năm phần trăm một tháng).

Đến thời hạn trả nợ vay, bà T không trả vốn và lãi cho tôi đồng nào và năn nỉ tôi gia hạn cho bà T thêm 01 (một) tháng nên ngày 27/03/2024 bà T lập giấy mượn tiền cam kết 30 (ba mươi) ngày trả vốn và lãi cho tôi.

Nhưng đến nay bà Trần Thị Lan T vẫn không trả cho tôi đồng nào. Vì vậy, tôi kính yêu cầu quý Tòa giải quyết: Buộc bà Trần Thị Lan T phải trả cho tôi số tiền nợ gốc vay là 550.000.000 đồng

Tại phiên Tòa hôm nay :

Nguyên đơn có đại diện ủy quyền có mặt tại phiên tòa nêu ý kiến là Buộc bà Trần Thị Lan T phải trả cho tôi số tiền nợ gốc vay là 550.000.000 đồng

Bị đơn bà Trần Thị Lan T có mặt nêu ý kiến gồm :

- Bà xác nhận bà có vay của nguyên đơn số tiền gốc 350.000.000 đồng qua chuyển khoản ngân hàng 060131882508 vào các ngày 26/05/2023 và 24/06/2023 và ngày 07/08/2023 hàng tháng bà trả lãi tuy nhiên đến tháng 03/2024 bà mất khả năng trả lãi nên nay bà đồng ý trả tiền gốc và tiền lãi theo quy định pháp luật từ tháng 3/2024 đến nay còn số tiền còn lại bà không đồng ý trả vì đó là tiền lãi mà bà M cộng dồn lại bắt bà ký vào các giấy nợ nêu trên.

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn trình bày ý kiến:

- Xác định đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản và các bên có xác lập việc vay mượn tài sản tuy nhiên có sự tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn về số tiền chênh lệch số tiền gốc nguyên đơn cho vay 550.000.000 đồng bị đơn chỉ đồng ý 350.000.000 đồng.

- Bị đơn bà T không chứng minh được việc tiền lãi tại sao trong tháng 8/2023 bà ký 05 giấy vay tiền tổng cộng 550.000.000 đồng vậy tiền lãi cộng dồn tại sao trong 01 tháng ký 5 giấy vay. Do đó đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn tranh luận cho rằng trong tháng 8/2023 bà ký 05 giấy vay là vì lãi suất trước đó nhiều tháng chưa đóng tiền lãi vay thực tế là vào tháng 5/2023 và tháng 8/2023 vay tiếp nên bà M bắt ký nhiều giấy vay mà không hủy giấy vay ký trước, bà chỉ vay tiền gốc 350.000.000 đồng qua chuyển khoản không phải nhận tiền trực tiếp như nguyên đơn trình bày. Bà đồng ý trả lãi theo quy định pháp luật từ tháng 03/2024 đến nay.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Dương sự, Thư ký và Hội đồng xét xử đều tuân theo pháp luật tố tụng qui định tại Điều 48; Điều 86 ; Điều 196; Điều 220; Bộ luật tố tụng dân

sự 2015. Tuy nhiên Tòa án còn vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nhưng không làm ảnh hưởng tới đường lối xét xử nên Viện kiểm sát kiến nghị rút kinh nghiệm.

+ Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ, xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M yêu cầu bà Trần Thị Lan T trả lại số tài sản đã vay là 550.000.000 đồng. Căn cứ vào lệnh chuyển khoản Ngân hàng Sacombank 060131882508 của bà Trần Thị Lan T vào các ngày 26/05/2023 và 24/06/2023 và ngày 07/08/2023, thể hiện nguyên đơn bà M chỉ chuyển cho bà T 350.000.000 đồng, ngoài ra không có chứng cứ nào khác chứng minh việc giao 200.000.000 đồng còn lại, do đó có đủ sơ sở xác định bà Trần Thị Lan T có vay của bà Nguyễn Thị M số tiền 350.000.000 đồng. Việc bà T không thực hiện trả lại số tài sản đã vay cho bà M là làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Trần Thị Lan T phải trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền 350.000.000 đồng, bị đơn bà T đồng ý tự nguyện trả lãi theo quy định pháp luật tính từ tháng 03/2024 đến nay 25/04/2025 là 01 năm 28 ngày, xét đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Cụ thể do các bên không thống nhất được lãi suất nên tính theo Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 là 10%/ năm, quy đổi lãi suất từ 350.000.000 đồng tiền gốc x 10%/ năm x 01 năm 28 ngày = 38.000.000 đồng (làm tròn). Đề nghị bác yêu cầu 200.000.000 đồng do không có chứng cứ giao nhận tiền. Án phí theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

- Xét, đơn khởi kiện của nguyên đơn bà M khởi kiện bị đơn bà T trả số tiền 550.000.000 đồng. Các bên có lập giấy vay và chuyển khoản. Hội đồng xét xử xét thấy, các bên có giấy xác nhận việc vay mượn tài sản, phù hợp lời khai của bà M. Căn cứ lời trình bày của các bên, chứng cứ thu thập đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp là hợp đồng vay tài sản. Bà T cư ngụ tại quận Tân Phú nên Tòa án nhân dân quận Tân Phú thụ lý giải quyết là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về thủ tục xét xử có mặt, vắng mặt: Nguyên đơn và bị đơn đều có mặt đã được Tòa án nhân dân quận Tân Phú tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, và giấy triệu tập theo khoản 1, khoản 2 Điều 177; khoản 2 Điều 220; khoản 3 Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nhưng bà Nhung vắng mặt không lý do. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 2

Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân quận Tân Phú vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà M do bà M có đại diện ủy quyền có mặt.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

- Xét, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Lan T phải trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền nợ gốc vay là 550.000.000 đồng, ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ, bản tự khai và lời trình bày tại phiên tòa của nguyên đơn, các bản lấy lời khai của bị đơn tại phiên tòa Căn cứ vào lệnh chuyển tiền vào tài khoản Ngân hàng Sacombank số 060131882508 của bà Trần Thị Lan T vào các ngày 26/05/2023 số tiền 100.000.000 đồng và 24/06/2023 số tiền 100.000.000 đồng, 34.000.000 đồng và ngày 07/08/2023 số tiền 100.000.000 đồng, thể hiện nguyên đơn bà M chỉ chuyển cho bà T 334.000.000 đồng và 16.000.000 đồng, tổng cộng 350.000.000 đồng, ngoài ra không có chứng cứ nào khác chứng minh việc giao nhận số tiền 200.000.000 đồng còn lại, như nguyên đơn trình bày, bị đơn không thừa nhận đã nhận 200.000.000 đồng tiền gốc như nguyên đơn khởi kiện mà cho rằng số tiền trên là lãi suất cho vay cộng dồn rồi nguyên đơn kêu bị đơn ký vào mà không hủy giấy vay cũ, bị đơn không đồng ý trả số tiền 200.000.000 đồng.

Tại các giấy vay tiền gồm: Giấy vay tiền đề ngày 05/8/2023 bà Trần Thị Lan T vay 100.000 đồng của bà M; Giấy vay tiền đề ngày 13/8/2023 bà Trần Thị Lan T vay 50.000.000 đồng của bà M; Giấy vay tiền đề ngày 17/8/2023 bà Trần Thị Lan T vay 50.000.000 đồng của bà M; Giấy vay tiền đề ngày 25/8/2023 bà Trần Thị Lan T vay 250.000.000 đồng của bà M; Giấy vay tiền đề ngày 30/8/2023 bà Trần Thị Lan T vay 100.000.000 đồng của bà M; Giấy vay tiền đề ngày 09/01/2024 bà Trần Thị Lan T vay 500.000.000 đồng của bà M;

Nguyên đơn trình bày Giấy vay tiền đề ngày 09/01/2024 bà Trần Thị Lan T vay 500.000.000 đồng của bà M là giấy chốt lại của các giấy vay tiền nêu trên, và Giấy vay tiền đề ngày 27/03/2024 bà Trần Thị Lan T vay 550.000.000 đồng của bà M là giấy chốt lại của các giấy vay tiền nêu trên, cộng thêm 30.000.000 đồng tiền gốc bà M đưa cho bà T và 19.500.000 đồng tiền lãi, nhưng không có chứng cứ chứng minh việc giao nhận tiền gốc đối số tiền 200.000.000 đồng, xét thấy không đủ chứng cứ để chấp nhận yêu cầu bị đơn phải trả thêm 200.000.000 đồng tiền gốc.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định bà Trần Thị Lan T đã vay của bà Nguyễn Thị M số tiền 350.000.000 đồng tiền gốc. Do vậy, căn cứ Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về hợp đồng vay tài sản, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên buộc bị đơn bà Trần Thị Lan T trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị M số tiền 350.000.000 đồng tiền gốc.

Tuy nhiên đến nay bị đơn bà T vẫn chưa trả số tiền gốc 350.000.000 đồng là ảnh hưởng đến quyền lợi của bà M và tiền lãi từ tháng 03/2024 đến nay, bị đơn đồng ý trả lãi theo quy định pháp luật xét nên chấp nhận việc trả lãi.

Lãi tính từ tháng 03/2024 đến nay 25/04/2025 là 01 năm 28 ngày. Do các bên không thống nhất được lãi suất nên tính theo Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 là 10%/ năm, quy đổi lãi suất từ 350.000.000 đồng tiền gốc x 10%/ năm x 01 năm 28 ngày = 38.000.000

đồng (làm tròn)

Việc vay tài sản của bà T diễn ra đã lâu, bà Tkéo dài thời gian không trả lại tài sản cho bà M là làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, do vậy yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả ngay một lần số nợ là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần là 350.000.000 đồng và 38.000.000 đồng (tiền lãi) nên bị đơn phải chịu án phí trên với số tiền phải trả cho nguyên đơn là: 350.000.000 đồng + 38.000.000 đồng (tiền lãi) = 388.000.000 đồng, số tiền án phí bị đơn phải trả là 19.400.000 đồng.

Do yêu cầu của nguyên đơn số tiền không được chấp nhận là 550.000.000 đồng - 388.000.000 đồng = 162.000.000 đồng nên số tiền án phí nguyên đơn phải trả là 8.100.000 đồng nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 13.000.000 đồng theo biên lai số 0008263 ngày 24/05/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Phú. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền 4.900.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 74, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 123, Điều 463, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 24; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M.
- Buộc bà Trần Thị Lan T phải trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền là 388.000.000 đồng (trong đó tiền gốc 350.000.000 đồng và 38.000.000 đồng tiền lãi).
- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M đối với số tiền 162.000.000 đồng.

Thời hạn thanh toán: Ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành thì người phải thi hành còn phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả trên số tiền gốc; lãi suất được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền chậm trả tại thời điểm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trần Thị Lan T phải nộp án phí là 19.400.000 đồng.
- Bà Nguyễn Thị M phải nộp án phí là 8.100.000 đồng nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 13.000.000 đồng theo biên lai số 0008263 ngày 24/05/2024 của

Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Phú. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền 4.900.000 đồng.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
 - TAND Tp.HCM; VKSND Tp.HCM
 - VKSND Q. Tân Phú;
- Chi cục THADS Q.Tân Phú;
Lưu VP, hồ sơ (thư ký)/.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Mỹ